

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán
Công trình: Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn 1)
Hợp phần 1 đoạn Km0+00-Km4+00
Địa điểm: Tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;
Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1);
Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1902/TTr-SGTVT ngày 23/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình, với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên công trình:** Đường trục Khu kinh tế nổi dài (Giai đoạn 1), hợp phần 1, đoạn Km0+00-Km4+00.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông đường bộ, cấp II.
- 3. Cấp quyết định đầu tư:** UBND tỉnh Bình Định.
- 4. Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải.
- 5. Địa điểm xây dựng hạng mục:** Đoạn Km0+00-Km4+00, thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- 6. Nguồn vốn:** Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2016-2020 theo Luật Đầu tư công cho Hợp phần 1 (Km0+00 – Km4+00); Dự án thuộc

Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Hỗ trợ đầu tư Khu kinh tế ven biển). Hợp phần 2 (Km4+00 – Km18+200) của dự án sẽ huy động nguồn vốn Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Nhà thầu lập thiết kế BVTC - Dự toán: Liên danh Công ty CP tư vấn thiết kế Đường bộ và Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Việt Nam.

8. Quy mô thiết kế:

a. Phần tuyến: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III, đồng bằng (TCVN 4054-2005).

- Chiều dài toàn tuyến: $L=18,20\text{km}$.
- Chiều dài đoạn tuyến hợp phần 1: $L=4,00\text{km}$.
- Vận tốc thiết kế: $V=80\text{km/h}$.
- Mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa cấp cao A1 (theo tiêu chuẩn 22TCN211-06), với mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.
- Mặt cắt ngang (giai đoạn I) được thiết kế với quy mô như sau:
 - + Bề rộng nền đường: $B_n=10,75\text{m}$.
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m=2 \times 3,5\text{m} + 2 \times 1,375\text{m}=9,75\text{m}$.
 - + Bề rộng lề đường: $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$.

b. Phần công trình thoát nước:

- Cầu Cát Tiến và cầu Cát Chánh: Thiết kế theo tiêu chuẩn 22TCN 272-05; cầu vĩnh cửu bằng BTCT DUL và BTCT; khổ cầu $B_{\text{cầu}} = 10,75\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93; tần suất thiết kế $P=1\%$.
- Cầu bản và cống thoát nước các loại: Khổ cầu, cống phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93 (cống tròn tải trọng H30); Tần suất thiết kế $P=4\%$.

9. Giải pháp thiết kế chủ yếu

a. Nền đường thông thường: Nền đường đắp đất cấp phối đồi đầm chặt K95, phần nền dưới đáy kết cấu áo đường dày 50cm được đắp bằng đất cấp phối đồi chọn lọc đầm chặt K98. Mái taluy nền đắp $m=1,5$; mái taluy nền đào $m=1$.

b. Nền đường đắp trên đất yếu:

- + Đắp cát chìm vào lớp đất yếu dày 50cm.
- + Xử lý nền đất yếu bằng bác thấm.
- + Đắp cát hạt thô bù lún nền đường.
- + Nền đường đắp bằng cấp phối đồi đầm chặt K95, phần nền dưới đáy kết cấu áo đường dày 50cm được đắp bằng đất cấp phối đồi chọn lọc đầm chặt K98. Mái taluy nền đắp $m=1,5$; mái taluy nền đào $m=1$.

c. Mặt đường: Mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa cấp cao A1 (theo tiêu chuẩn 22TCN211-06), với mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$; gồm các lớp sau:

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 06cm.
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m².


2

- + Bê tông nhựa C19 dày 07cm.
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m².
- + Cấp phối đá dăm loại I (D_{max}=25) dày 15cm.
- + Cấp phối đá dăm loại I (D_{max}=37,5) dày 30cm.

d. Nút giao thông: Trên đoạn tuyến gồm 02 nút giao thông (Nút giao đầu tuyến và nút giao với tuyến ĐT.640), chủ yếu theo dạng giao cùng mức, tổ chức giao thông tự điều chỉnh và tổ chức giao thông bằng các đảo xếp di động, các vị trí giao vượt nổi êm thuận phù hợp với điều kiện thực tế, đồng thời bố trí đầy đủ giao bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

đ. Đường giao: Đường giao dân sinh được thiết kế vượt nổi vào tuyến chính, kết cấu mặt đường chủ yếu như sau:

- Lớp BTXM C20 dày 20cm.
- Lớp giấy dầu.
- Lớp cấp phối đá dăm loại I (D_{max}=25) dày 15cm.

e. Công trình thoát nước trên tuyến

- Cầu Cát Tiến:

+ Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT DƯL và BTCT; khổ cầu B_{cầu} = 10,75m; tải trọng thiết kế HL93; tần suất thiết kế P=1%, sông không thông thuyền.

+ Sơ đồ nhịp 3x24m, kết cấu nhịp dầm I bằng BTCT DƯL gồm 5 dầm chủ, chiều dài toàn cầu L=81,51m, tim cầu chéo với tim tuyến một góc 60°.

+ Mố cầu: Dạng mố chữ U bằng BTCT thường đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc đóng BTCT 40x40cm.

+ Trụ cầu: Bằng BTCT thường đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc đóng BTCT 40x40cm.

- + Khe co giãn bằng thép dạng răng lược.
- + Gối cầu cao su cốt bản thép.
- + Lan can thép trên cầu bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Cầu Cát Chánh:

+ Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT DƯL và BTCT; khổ cầu B_{cầu} = 10,75m; tải trọng thiết kế HL93; tần suất thiết kế P=1%, sông không thông thuyền.

+ Sơ đồ nhịp 5x33m, kết cấu nhịp dầm I bằng BTCT DƯL gồm 5 dầm chủ, chiều dài toàn cầu L=175,44m.

+ Mố cầu: Dạng mố chữ U bằng BTCT thường đổ tại chỗ, móng mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính D=1,2m.

+ Trụ cầu: Bằng BTCT thường đổ tại chỗ, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính D=2,0m.

- + Khe co giãn bằng thép dạng răng lược.

gđ

+ Gối cầu cao su cốt bản thép.

+ Lan can thép trên cầu bằng thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Công thoát nước khẩu độ nhỏ:

+ Trên đoạn tuyến xây dựng 03 cống $\Phi 120\text{cm}$ và 01 cống $\Phi 150\text{ cm}$ bằng BTLT và 02 cống hộp $150 \times 150\text{cm}$ bằng BTCT.

+ Cống tạm bằng BTLT khẩu độ từ $\Phi 120\text{cm}$ - $\Phi 150\text{cm}$.

- Công thoát nước khẩu độ lớn: Trên đoạn tuyến xây dựng 10 cống hộp BTCT, móng cống được đặt trên hệ cọc đóng BTCT $40 \times 40\text{cm}$ gồm: 05 cống hộp khẩu độ $2 \times 4,0 \times 4,0\text{m}$; 01 cống $20 \times 4,0 \times 3,0\text{m}$; 01 cống $5 \times 4,0 \times 4,0\text{m}$; 01 cống $4,0 \times 4,0\text{m}$; 02 cống $2,5 \times 2,5\text{m}$ khổ cống phù hợp với bề rộng nền đường.

- Mương cải (hoàn trả mương thủy lợi): Các đoạn tuyến đi lấn mương thủy lợi tiến hành xây dựng hoàn trả mương thủy lợi bằng bê tông, trên đoạn tuyến xây dựng hoàn trả 10 đoạn với tổng chiều dài 1.592m .

- Gia cố mái taluy dọc tuyến: Gia cố mái taluy bằng tấm lát bê tông đúc sẵn $40 \times 40 \times 6\text{cm}$, trên lớp VXM C12 dày 3cm và trồng cỏ gia cố mái.

g. Đường công vụ: Đường công vụ cơ bản được làm song song với tuyến chính, khoảng cách giữa chân taluy đường công vụ và chân taluy tuyến chính tối thiểu bằng $1,2\text{m}$. Vị trí đường công vụ cơ bản nằm bên trái tuyến chính nhằm đảm bảo nền đường công vụ cơ bản vẫn nằm trong nền đường giai đoạn 2 của tuyến chính (nằm trong phạm vi GPMB). Đường công vụ được thiết kế với quy mô bề rộng nền đường $B_n = 5,5\text{m}$, đắp bằng cấp phối đồi, trung bình khoảng 500m có bố trí một điểm tránh xe, điểm tránh xe có bề rộng nền đường $B_n = 6,5\text{m}$; chiều dài đoạn tránh xe 30m , chiều dài đoạn chuyển tiếp 10m , chiều cao đắp trung bình của đường công vụ so với mặt ruộng là 70cm .

h. An toàn giao thông: Xây dựng hệ thống biển báo, vạch tín hiệu an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

10. Tiêu chuẩn áp dụng cho hạng mục công trình: Theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

11. Dự toán đầu tư xây dựng

Tổng dự toán:	373.715.733.000 đồng
- Chi phí xây dựng :	299.015.003.000 đồng
- Chi phí QLDA:	2.905.882.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	17.590.159.000 đồng
- Chi phí khác:	18.423.780.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	35.780.909.000 đồng

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016-2020.



14. Tổ chức thực hiện: Theo Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ql*

Với nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng